

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

Điểm quan trọng về tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam trong 2Q & 6M 2026



ÔNG NGUYỄN HOÀNG LINH

Kinh tế trưởng VCBF

Kinh tế Việt Nam trong Quý II và 6 tháng đầu năm 2026 ghi nhận đà tăng tốc mạnh mẽ bất chấp những bất ổn địa chính trị toàn cầu và áp lực chuỗi cung ứng từ xung đột Trung Đông. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) liên tục cải thiện qua các quý, phản ánh sự phục hồi vững chắc của khu vực sản xuất công nghiệp và sức bật từ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN ĐIỂM SÁNG & THÁCH THỨC

ĐIỂM TÍCH CỰC NỔI BẬT

- Kinh tế tăng tốc ấn tượng:** Bất chấp xung đột Trung Đông, GDP Q2 tăng **8,39%** (Q1 đạt 7,94%), với 10 địa phương tăng trưởng cao hơn **10%** (tăng thêm 2 tỉnh thành so với Q1).
- Sản xuất và Khai khoáng phục hồi mạnh mẽ:** Ngành CBCT tăng trưởng hai chữ số đạt **+10,6%** trong Q2 (cao nhất từ Q3/2024) nhờ đơn hàng nội địa và xuất khẩu tăng trở lại trong T5 và T6; ngành Khai khoáng duy trì đà tăng quý thứ **4** liên tiếp nhờ khai thác dầu thô và khí đốt cải thiện đáng kể.
- Gia tăng tích lũy tài sản:** Tích lũy tài sản 6T tăng trưởng **15,2%** (so với 7,2% của 3T26) do doanh nghiệp tăng đầu tư TSCĐ và hàng tồn kho - cho thấy xu hướng nhập khẩu tăng mạnh thời gian qua, với tư liệu sản xuất chiếm đến **94,1%** kim ngạch nhập khẩu trong 6M26, trong khi nhập khẩu hàng tiêu dùng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ.
- Xuất khẩu và du lịch chuyển biến tích cực:** Khối doanh nghiệp nội địa thúc đẩy xuất khẩu tăng **8,5%** trong Q2 (Q1 chỉ tăng 0,3%), đưa cán cân thương mại xuất siêu trở lại vào nửa cuối T6. Cùng lúc, du lịch Q2 tiếp

CÁC KHÓ KHĂN & THÁCH THỨC

- Dịch vụ và tiêu dùng tăng trưởng chậm lại:** Ngành Dịch vụ Q2 giảm tốc xuống 7,87% (Q1 đạt 8,33%) do xung đột Trung Đông ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và sức mua. Tiêu dùng cuối cùng trong 6M26 chỉ tăng 8,15% (thấp hơn mức 8,45% của 3M26). Dù vậy, thị trường ghi nhận tín hiệu phục hồi trong tháng 6 khi tăng trưởng bán lẻ thực 6M26 đạt 7,3%, cao hơn mức 6,1% của 5M26.
- Ngành xây dựng chịu áp lực chi phí:** Dù cải thiện so với Q1, tăng trưởng ngành xây dựng vẫn ghi nhận quý thứ hai liên tiếp thấp hơn cùng kỳ năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu đến từ chi phí xây dựng tăng mạnh do hệ lụy của xung đột Trung Đông và mặt bằng lãi suất nội địa neo cao.
- Sự lệch pha trong cấu trúc sản xuất và xuất khẩu:** Dù tổng thể hoạt động sản xuất, xuất khẩu diễn biến tích cực nhưng có sự phân hóa rõ rệt. Nhóm hàng hóa công nghiệp và điện tử đạt mức tăng trưởng cao, trong khi nhóm hàng tiêu dùng (dệt may, giày dép) tăng trưởng thấp.

tục đà bứt phá khi lượt khách quốc tế tăng **18,2%** (so với 12,4% của Q1), mang về doanh thu **8,2 tỷ USD** (+20,5%), nâng tổng doanh thu 6M26 lên **17,4 tỷ USD** (+20,5%). Tốc độ tăng trưởng doanh thu vượt trội so với lượng khách (20,5% so với 14,9% trong 6M26) cho thấy doanh thu trên 1 lượt khách có sự cải thiện.

- **Dòng vốn đầu tư và FDI tăng trưởng mạnh mẽ:** Tổng đầu tư toàn xã hội Q2 tăng **14,1%** YoY, đạt gần **1,1** triệu tỷ VND (cao hơn mức 11,2% của Q1), trong đó vốn khu vực dân cư và tư nhân tăng **14,3%** - mức cao nhất hậu Covid-19. Khu vực FDI duy trì đà tích cực với vốn thực hiện tăng **12,8%** YoY (Q1 tăng 9,0%) và vốn đăng ký đạt mức đỉnh **19,5 tỷ USD** (+84,5% YoY).
- **Áp lực lạm phát và tỷ giá hạ nhiệt:** Lạm phát T6 giảm về **4,7%** (sau 2 tháng neo trên 5%) nhờ giá xăng dầu và thực phẩm hạ nhiệt; đồng thời tỷ giá USD/VND tự do giảm mạnh trong Q2 cho thấy hoạt động găm giữ ngoại tệ suy yếu rõ rệt.

- **Giải ngân đầu tư công dưới mức kỳ vọng:** Lũy kế 6M26, giá trị giải ngân vốn kế hoạch 2026 giảm 6,5% YoY, mới hoàn thành 29,2% kế hoạch Thủ tướng giao (thấp hơn tỷ lệ 36,2% của 6M25). Trong Q2 (đến ngày 25/6), dù giá trị giải ngân tăng mạnh 64,2% so với Q1 nhưng vẫn thấp hơn 22,5% so với cùng kỳ năm trước.

1. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GDP 2Q & 6M 2026

Theo phương pháp sản xuất:

GDP Quý II/2026 đạt **+8.39% YoY**, đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm đạt mức **8.18%** (vượt trội so với mức 7.52% của 6M2025). Đáng chú ý, tăng trưởng kinh tế Q2/2026 đánh dấu mức tăng trưởng Quý II cao nhất kể từ khi Việt Nam có thống kê GDP theo quý.

Chỉ tiêu ngành kinh tế (YoY)	Quý I / 2026	Quý II / 2026	Lũy kế 6M / 2026	So sánh 6M / 2025
Toàn nền kinh tế (GDP)	7.94%	8.39%	8.18%	7.52%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3.68%	4.06%	3.87%	3.84%
Công nghiệp (Tổng thể)	9.09%	10.55%	9.86%	8.07%
-- Trong đó: Chế biến, chế tạo	9.86%	10.56%	10.23%	10.11%
-- Trong đó: Khai khoáng	5.73%	7.59%	6.67%	-4.25%
Xây dựng	8.51%	10.28%	9.51%	9.62%
Dịch vụ	8.33%	7.87%	8.09%	8.14%

Bức tranh tăng trưởng địa phương: Có 16/34 tỉnh thành ghi nhận sự gia tăng tốc độ trong Q2 so với Q1. Trong đó, 10 địa phương đạt tăng trưởng trên 10% (chủ yếu tập trung ở phía Bắc: 5 tỉnh Đồng bằng sông Hồng, 2 tỉnh Trung du miền núi phía Bắc, và 1 tỉnh Bắc Trung Bộ). Phía Nam ghi nhận sự thu hẹp khi chỉ còn Tây Ninh và An Giang giữ vững tăng trưởng 2 con số. Tính chung 6 tháng, toàn quốc có 9 tỉnh thành đạt mức tăng trưởng trên 10%, tuy nhiên chỉ có **Hà Tĩnh và Ninh Bình** là xuất sắc vượt kế hoạch mục tiêu của cả năm 2026.

Theo phương pháp sử dụng:

- **Tiêu dùng cuối cùng:** Tăng 8.15% trong 6M2026. Mặc dù có sự suy giảm nhẹ so với mức 8.45% của Q1 nhưng đây vẫn là sự cải thiện đáng kể nếu so với mức tăng 7.95% của 6M2025.
- **Tích lũy tài sản (Đầu tư TSCĐ + Thay đổi tồn kho):** Tăng mạnh **+15.2% trong 6M** đạt mức cao kỷ lục (so với chỉ 7.2% trong 3 tháng đầu năm). Điều này nhất quán với xu hướng nhập khẩu tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm, trong đó tư liệu sản xuất chiếm 94.1% kim ngạch NK, trong khi hàng hóa tiêu dùng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ

2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP): IIP toàn ngành tăng 11.2% trong Q2 (Q1 tăng 10.5%), đưa lũy kế 6M2026 tăng **10.8%** – mức tăng trưởng cao nhất giai đoạn từ năm 2019 đến nay. Ngành Khai khoáng đóng vai trò lực đỡ lớn khi tăng tốc đạt 7.0% trong Q2 nhờ sản lượng khai thác dầu mỏ (+14.2%) và khí đốt thiên nhiên (+10.7%) tăng cao. Lũy kế 6M26 tăng 5.8% so với mức giảm 3.5% cùng kỳ 2025, từ đó đóng góp 0.9 điểm phần trăm vào tăng trưởng IIP

Đối với ngành **Công nghiệp chế biến, chế tạo**, tăng trưởng 6M đạt 11.4%. Dù vậy, có sự phân hóa sâu sắc khi có 9/24 ngành thuộc nhóm hàng tiêu dùng (F&B, trang phục) có xu hướng chậm lại; ngược lại, nhóm hàng công nghiệp và sản xuất linh kiện điện tử giữ vững đà tăng trưởng cao đóng vai trò động lực chính.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI): Chỉ số PMI tháng 6 đạt **51.8 điểm** (giảm nhẹ so với 52.8 của tháng 5). Dù vậy, hoạt động sản xuất đã duy trì xu hướng tích cực khi PMI ở ngưỡng mở rộng (>50 điểm) trong suốt **9 tháng liên tiếp**. PMI trung bình của Q2 đạt 51.7, thấp hơn mức 52.7 của Q1. Tuy nhiên, đơn hàng mới trong Q2 tích cực hơn Q1 khi chỉ suy giảm trong tháng 4, nhưng sau đó tăng trở lại trong tháng 5 và 6 ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Áp lực chi phí sản xuất đầu vào do căng thẳng Trung Đông có dấu hiệu hạ nhiệt vào cuối quý khi tiến trình đàm phán hòa bình giữa Mỹ và Iran có chuyển biến tích cực giúp giá dầu hạ nhiệt.

3. HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG & CÁN CÂN THƯƠNG MẠI

Xuất nhập khẩu hàng hóa:

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tăng tốc với tổng nhu cầu vốn và tư liệu sản xuất tăng cao:

- **Xuất khẩu:** Tăng trưởng ấn tượng 28.1% trong tháng 6, đưa tăng trưởng Q2 đạt 22.7% và lũy kế 6M26 đạt 21.0%. Khối FDI tiếp tục tăng tốc, với tăng trưởng đạt 26.9% trong Q2 (Q1: +25.1%) và lũy kế 6M26 đạt 26.0%, chủ yếu nhờ tăng mạnh xuất khẩu hàng điện tử và MMTB. Đáng chú ý, khối DN nội địa phục hồi với mức tăng 8.5% trong Q2 (so với mức 0.3% ở Q1), kim ngạch tháng 6 đạt mốc lịch sử trên 10 tỷ USD. Nhóm hàng Điện tử và Máy móc thiết bị (MMTB) tiếp tục dẫn dắt khi đóng góp đến 75% vào tổng tăng trưởng xuất khẩu.
- **Nhập khẩu:** Tháng 6 tăng 45.2%, Q2 tăng 39.1% và lũy kế 6M26 tăng tới **33.4%**. Các mặt hàng đóng góp chính trong Q2 bao gồm Máy vi tính & sản phẩm điện tử (chiếm 59%), Nhóm năng lượng (9%) và MMTB (8%).

- **Cán cân thương mại:** Nhập siêu 2.6 tỷ USD trong tháng 6, 13.0 tỷ USD trong Q2 và lũy kế **16.7 tỷ USD** trong 6M2026.

Thương mại dịch vụ và Du lịch quốc tế:

Tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ lưu trú, ăn uống và lữ hành cao hơn tăng trưởng lượt khách quốc tế trong 6M26 (20,5% so với 14,9%), trong khi nhập khẩu dịch vụ duy trì kiểm soát tốt ở mức 14.0 tỷ USD (+11.8%). Cán cân thương mại dịch vụ mang lại mức **xuất siêu dịch vụ đạt 3.4 tỷ USD** trong 6M2026 (cao hơn nhiều mức xuất siêu 2.0 tỷ USD cùng kỳ năm trước).

Động lực cốt lõi đến từ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường du lịch. Trong Q2, Việt Nam đón 5.5 triệu lượt khách quốc tế (+18.2% YoY). Lũy kế 6M26 đạt **12.3 triệu lượt khách**, tăng 14.9% (tăng 29.1% nếu loại trừ thị trường Trung Quốc và Hàn Quốc). Doanh thu từ khách quốc tế đạt 9.0 tỷ USD trong 6M26 (+18.1%). Điểm tích cực là tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn tăng trưởng lượng khách, khẳng định mức chi tiêu bình quân trên mỗi lượt khách đã cải thiện rõ rệt.

4. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA & SỨC MUA TIÊU DÙNG

Tổng doanh thu mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 6 tăng 14.8%, Q2 đạt 13.9% và 6M26 đạt **12.9%**. Nếu loại trừ yếu tố giá, tăng trưởng bán lẻ thực tế đạt **7.3%** trong 6M26, thể hiện sự phục hồi mạnh mẽ so với mức 6.1% của 5 tháng đầu năm.

- **Bán lẻ hàng hóa:** Tháng 6 tăng 13.4%, Q2 tăng 13.2% (Q1 +11.9%) 6M26 tăng 12.5%. Các ngành hàng tăng trưởng dẫn đầu bao gồm: Đá quý & Kim loại quý (+31.3%), Xăng dầu (+15.3%), Gỗ & Vật liệu xây dựng (+13.2%).
- **Bán lẻ dịch vụ:** 6M26 tăng 14.2%, trong đó tốc độ Q2 vọt lên 16.0% (so với 12.4% của Q1) nhờ sự đóng góp tích cực từ sự bùng nổ của dịch vụ lữ hành, lưu trú và ăn uống vào mùa cao điểm du lịch hè.

5. ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI & DÒNG VỐN FDI KỸ LỤC

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: Đạt gần 1.1 triệu tỷ VND trong Q2 (+14.1% YoY), lũy kế 6M26 đạt **1.8 triệu tỷ VND** (+12.9% YoY), tương đương khoảng 27% GDP. Sự thúc đẩy diễn ra đồng đều ở cả 3 khối: Nhà nước, tư nhân và FDI.

Vốn đầu tư tư nhân & dân cư: Đạt 566.9 nghìn tỷ VND trong Q2, tăng **14.3% YoY** (vượt mức 10.9% của Q1) - xác lập **tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ sau đại dịch Covid-19**. Lũy kế 6M26 đạt 973.4 nghìn tỷ VND, tăng 12.8%, cao hơn nhiều tốc độ tăng trưởng 7.6% trong 6M25.

Giải ngân Đầu tư công: Vốn thuộc NSNN đạt 335.6 nghìn tỷ VND trong 6M26 (+12.9%). Tuy nhiên tính đến ngày 25/6, giá trị giải ngân đầu tư công thực tế cho vốn kế hoạch 2026 ước đạt 299.5 nghìn tỷ VND, chỉ mới hoàn thành **29.2% kế hoạch Thủ tướng giao** (thấp hơn tỷ lệ 36.2% của 6M2025). Mặc dù Q2 đã tăng tốc mạnh 64.2% so với Q1 nhưng vẫn giảm 22.5% so với cùng kỳ năm ngoái do rào cản từ giá nguyên vật liệu xây dựng neo cao.

Dòng vốn nước ngoài (FDI) bùng nổ:

- Vốn thực hiện 6M26 đạt 13.0 tỷ USD, tăng 11.2% YoY.
- Tổng vốn đăng ký: Riêng tháng 6 đạt 9.8 tỷ USD (cao thứ 2 lịch sử sau tháng 6/2018). Tổng vốn đăng ký Q2 đạt **19.5 tỷ USD** (+84.5%), đạt giá trị đăng ký theo quý cao nhất từ trước đến nay, nâng lũy kế 6M26 lên **34.7 tỷ USD (+61.0%)**.
- Vốn đăng ký cấp mới đạt 5,0 tỷ USD (+44,3% YoY) dù số dự án giảm nhẹ 2,6%; lũy kế 6M26 đạt 17,4 tỷ USD (+87,2%). Singapore và Hàn Quốc dẫn đầu về giá trị khi lần lượt chiếm 42% và 31% tổng vốn cấp mới, với quy mô trung bình mỗi dự án đạt trên 25 triệu USD. Ngược lại, Trung Quốc dẫn đầu về số lượng

dự án (chiếm 35%) nhưng quy mô trung bình thấp, chỉ đạt 1,4 triệu USD/dự án (so với mức trung bình chung là 8,6 triệu USD). Về địa phương, Thái Nguyên dẫn đầu cả nước (chiếm 33%), tiếp theo là Nghệ An (10%), Hải Phòng (10%) và TP.HCM (8%).

- Vốn đăng ký điều chỉnh đạt mức kỷ lục 8,7 tỷ USD, cao gấp 3,8 lần Q1 và gấp 2,3 lần cùng kỳ 2Q25. Lũy kế 6M26 đạt 11,0 tỷ USD (+23,5%), trong đó TP.HCM dẫn đầu dòng vốn điều chỉnh với 3,4 tỷ USD (chiếm 30%).
- Vốn đăng ký cấp mới + điều chỉnh vào ngành CN CBCT đạt 9,1 tỷ USD trong Q2 (+112%), nâng quy mô lũy kế 6M26 lên 17,9 tỷ USD (+69,4%).

6. GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

CPI và Lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6 giảm mạnh 0.39% MoM, kéo lạm phát tháng 6 giảm về mức **4.7%** (từ mức 5,6% của tháng 5). Động lực giảm chính đến từ chỉ số giá nhóm Giao thông hạ nhiệt 4,85% MoM (làm CPI giảm 0,48 điểm phần trăm) do giá bán lẻ xăng dầu giảm hơn 10% và giá vận tải hàng không giảm gần 12%. Đồng thời, nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm nhẹ 0,07% MoM nhờ giá lương thực giảm 0,78% MoM (giá gạo giảm 1,06%) và giá thực phẩm đi ngang. Ngược lại, nhóm Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tiếp tục tăng 0,46% MoM do giá điện (+2,0%) và nước sinh hoạt (+0,6%) tăng cao.

Lũy kế 6M2026, lạm phát bình quân đạt **4.3%**, dù cao hơn mức 3.3% của năm 2025 nhưng hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của mục tiêu Chính phủ đề ra (4.0% - 4.5%). Lạm phát cơ bản cũng hạ nhiệt từ 4.67% trong tháng 5 về mức 4.50% trong tháng 6.

Tỷ giá ngoại tệ: Áp lực tỷ giá USD/VND chính thức tăng nhẹ 0.4% trong Q2 (Q1 giảm 0,1%) do chỉ số DXY tăng 1,8% trước lập trường điều hâu của Fed. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tự do lại giảm mạnh 4,8% trong Q2, thu hẹp chênh lệch với tỷ giá chính thức xuống còn khoảng 250 đồng (so với mức hơn 1.700 đồng cuối Q1). Xu hướng này phản ánh nhu cầu găm giữ ngoại tệ giảm mạnh nhờ lãi suất huy động VND duy trì ở mức cao và các biện pháp siết chặt của Chính phủ đối với hoạt động kinh doanh vàng, đá quý và tiền mã hóa trái phép.

Miễn trừ trách nhiệm: Báo cáo thể hiện ý kiến của VCBF dựa trên các nguồn thông tin, dữ liệu đến thời điểm xuất bản. Nhà đầu tư chỉ nên tham khảo và không coi đây là bản tư vấn đầu tư. Nhà đầu tư được khuyến cáo đầu tư theo kế hoạch tài chính và phân bổ tài sản nhằm đạt được các mục tiêu tài chính dài hạn hơn là chạy theo các biến động ngắn hạn của thị trường. Việc đăng tải lại các ý kiến đánh giá của VCBF cần được sự đồng ý trước của VCBF!